TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 148/2023/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 05 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 172/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 04 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Ông Trần Thái C, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Số xx, Tổ 16, Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số xx CMT8, Tổ 44, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Võ Thị Kim C1, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số xx, Tổ 16, Ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số xx CMT8, Tổ 44, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thái C và bà Võ Thị Kim C1 chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2011, quyển số 01/2011 ngày 11 tháng 02 năm 2011, tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cải vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có hạnh phúc. Ông Trần Thái C và bà Võ Thị

Kim C1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do ông C và bà C1 đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống ông Trần Thái C và bà Võ Thị Kim C1 có 02 con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/9/2012. Ông C và bà C1 thống nhất thỏa thuận giao con chung là Trần Thanh N, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/9/2012 cho bà Võ Thị Kim C1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thỏa thuận của ông C và bà C1 phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Thái C và bà Võ Thị Kim C1 mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thái C và bà Võ Thị Kim C1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thanh N, sinh ngày 29/4/2011 và Trần Quốc T, sinh ngày 21/9/2012 cho bà Võ Thị Kim C1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ông Trần Thái C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà

không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Thái C nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); bà Võ Thị Kim C1 nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002780 ngày 18/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (GCN KH số 10/2011, quyển số 01/2011 ngày 11 tháng 02 năm 2011);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga